

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ B, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kiều B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 02/8/2022).

- Bị đơn: Anh Trần Thanh E, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp G, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022, biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn, chị Nguyễn Kiều B trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh E xây dựng hôn nhân năm 2010, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2014, ngày 31/10/2014. Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn về tình cảm, anh E không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh E đã ly hôn từ tháng 3 năm 2022 đến nay, không có biện pháp gì để hàn

gắn. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh E được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh E, không yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên: Trần Trúc H, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Chí I, sinh năm 22/01/2013, hiện nay cháu H đang sống chung với chị và ông bà ngoại, cháu I đang sống chung với anh E và ông bà nội. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Trần Trúc H, không yêu cầu anh E phải cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý giao cháu I cho anh E nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh E đi làm thuê, lương chỉ đủ trang trải cuộc sống hàng ngày và chăm lo cho con nên không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ vợ chồng chị.

Tòa án nH dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh Trần Thanh E để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh E không đến Tòa án nH dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của anh E đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kiều B đối với anh Trần Thanh E, giao cháu Trần Trúc H, sinh ngày 31/8/2011 cho chị Nguyễn Kiều B tiếp tục nuôi dưỡng, anh E không phải cấp dưỡng nuôi; giao cháu Trần Chí I, sinh năm 22/01/2013 cho anh E nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh E không yêu cầu. Chị B và anh E không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Chị Nguyễn Kiều B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Kiều B yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh E, hiện nay anh E đang cư trú tại ấp G, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nH dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Kiều B có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Trần Thanh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng và chị Hải theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều B và anh Trần Thanh E xây dựng hôn nH năm 2010, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2014, ngày 31/10/2014. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh E là hôn nH hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nH và gia đình năm 2014 quy định: “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nH lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được.”

[5] Theo chị B xác định thì quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn về tình cảm, anh E không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nH không đạt được, chị và anh E đã ly tH từ tháng 3 năm 2022 năm nay, không có biện pháp gì để hàn gắn. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, bà Lê Thị K, sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp G, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu là mẹ của anh Trần Thanh E xác định chị B và anh E chung sống với nhau năm 2010, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chị B và anh E có 02 người con chung là cháu Trần Trúc H, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Chí I, sinh năm 22/01/2013, hiện nay cháu H đang sống chung với chị B và ông bà ngoại, cháu I đang sống chung với anh E và ông bà nội. Chị B và anh E đã sống ly tH 5 – 6 tháng nay. Việc chị B nộp đơn ly hôn thì anh E biết và vào ngày lễ 2/9/2022 anh E có về địa phương để làm căn cước công dân, do anh E đi làm công nH trên Sài Gòn nên không về để tham dự các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án. Từ những căn cứ trên cho thấy cuộc sống hôn nH giữa chị B và anh E đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nH không đạt được vì vậy cuộc sống chung không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh E.

[6] Về con chung: Chị B và anh E có 02 người con chung là cháu Trần Trúc H, sinh ngày 31/8/2011 và Trần Chí I, sinh năm 22/01/2013. Hiện nay cháu H đang sống chung với chị B và ông bà ngoại, cháu I đang sống chung với anh E và ông bà nội. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh E cấp dưỡng, chị đồng ý giao cháu I cho anh E tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu H đang sống ổn định với chị B, cháu I đang sống ổn định với anh E. Mặc khác, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nH và gia đình, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu H thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị B, cháu I có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh E. Do đó, cần tiếp tục giao Trần Trúc H, sinh ngày 31/8/2011 (Giới tính: Nữ) cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Trần Chí I, sinh năm 22/01/2013 (Giới tính: Nam) cho anh E tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị B và anh E không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nH và Gia đình, chị B và anh E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Kiều B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã pH tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nH: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kiều B đối với anh Trần Thanh E. Xử cho chị Nguyễn Kiều B ly hôn với anh Trần Thanh E.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Trúc H, sinh ngày 31/8/2011 (Giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Kiều B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Trần Chí I, sinh năm 22/01/2013 cho anh Trần Thanh E tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Kiều B và anh Trần Thanh E không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Kiều B và anh Trần Thanh E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Nguyễn Kiều B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Kiều B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001067 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kiều B, anh Trần Thanh E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã D, huyện A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[1] Bà Phan Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. 3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**